

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/10/2019

V/v: “ Không công nhận quan hệ
vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhưường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Ninh- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tạ Văn N - Sinh năm 1974 (có mặt)

Trú quán: Thôn T – Xã K – L – Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Dương Thị T - Sinh năm 1977(có mặt)

Trú quán: Thôn T – Xã K – L – Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/08/2019 và những lời khai của nguyên đơn anh Tạ Văn N, lời khai của bị đơn chị Dương Thị T, quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Anh Tạ Văn N và chị Dương Thị T chung sống với trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình năm 1993 anh N, chị T về chung sống với nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên từ đó đến nay anh N, chị T không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới hai bên về chung sống cùng nhau ngày tại thôn T - K - L - Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Anh N xác định trong những năm gần đây giữa

anh và chị T mâu thuẫn nghiêm trọng. Do không có tiếng nói chung, vợ chồng không thống nhất được công việc làm ăn hằng ngày, nên thỉnh thoảng cãi nhau làm cho tình cảm rạn nứt cuộc sống không có hạnh phúc. Chị T cho rằng giữa chị và anh N không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng lắm mà chỉ có thỉnh thoảng không có tiếng nói chung, vợ chồng không thống nhất được công việc làm ăn hằng ngày, nên thỉnh thoảng có cãi nhau làm cho tình cảm rạn nứt cuộc sống không có hạnh phúc. Ngoài ra anh N còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên không quan tâm tới gia đình. Nay anh N, chị T đều xác định không còn tình cảm với nhau nên anh N xin ly hôn chị T đồng ý.

Về con chung anh N chị T có ba con chung là: Tạ Hồng S - Sinh năm 1994. Tạ Thị Th – Sinh năm 1995 và Tạ Thị Thùy Tr – Sinh năm 1998.

Khi ly ly hôn vì các con chung đã trưởng thành nên anh N, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên Toà anh Tạ Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T: Về con chung anh xác định có ba con chung là: Tạ Hồng S - Sinh năm 1994; Tạ Thị Th – Sinh năm 1995 và Tạ Thị Thùy Tr – Sinh năm 1998, các cháu đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị T đồng ý ly hôn với anh N. Về con chung chị xác định có ba con chung là: Tạ Hồng S - Sinh năm 1994; Tạ Thị Th – Sinh năm 1995 và Tạ Thị Thùy Tr – Sinh năm 1998, các cháu đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N và chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí lệ phí Tòa án, xử: Không công nhận anh Tạ Văn N và chị Dương Thị T là vợ chồng.

Về án phí: Anh Tạ Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005683 ngày 03/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Tạ Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với chị Dương Thị T. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn N và chị Dương Thị T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh N, chị T không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau. Anh N làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với chị T. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần không công nhận anh Tạ Văn N và chị Dương Thị T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Về con chung anh N, chị T có ba con chung là: Tạ Hồng S - Sinh năm 1994; Tạ Thị Th – Sinh năm 1995 và Tạ Thị Thùy Tr – Sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành anh N, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tạ Văn N và chị Dương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Tạ Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

** Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn N: Không công nhận anh Tạ Văn N và chị Dương Thị T là vợ chồng.

Về án phí: Anh Tạ Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005683 ngày 03/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

Toà án ND tỉnh Bắc Giang

- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;

- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;

- Nguyên đơn, bị đơn;

- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.

- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Văn Thế